

Số: 12/QĐ-CQLMHTXVN

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2025
của Liên minh HTX Việt Nam (lần 1)

CHỦ TỊCH LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại Phiếu trình số 29/PTr-VP ngày 12/01/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán NSNN năm 2025 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (lần 1) (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. *Sh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Các pháp nhân trực thuộc;
- Công TTĐT LMHTXVN;
- Lưu: VT, KHTC. *Sh*

CHỦ TỊCH



Cao Xuân Thu Vân

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-CQLMHTXVN ngày 14/01/2026 của Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Liên minh HTX Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 1) như sau:

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I. Tổng dự toán chi thường xuyên	238.523.783.989	181.592.819.602	76,13%	
1. GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO - DẠY NGHỀ	72.391.646.787	43.347.272.539	59,88%	
1.1. Loại 070 - 083: Đào tạo khác	5.724.000.000	4.493.760.162	78,51%	
1.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên:	5.724.000.000	4.493.760.162	78,51%	
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	2.224.000.000	2.224.000.000	100,00%	
- Đào tạo cán bộ, thành viên HTX	3.500.000.000	2.269.760.162	64,85%	
1.2. Loại 070 - 092: Trung cấp nghề	5.387.074.000	5.364.774.000	99,59%	
1.2.1. Kinh phí chi không thường xuyên	5.387.074.000	5.364.774.000	99,59%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	1.897.000.000	1.874.700.000	98,82%	
- Cấp bù học phí	3.490.074.000	3.490.074.000	100,00%	
1.3. Loại 070 - 093: Đào tạo cao đẳng nghề	18.878.156.000	14.695.246.202	77,84%	
1.3.1. Kinh phí chi không thường xuyên	18.878.156.000	14.695.246.202	77,84%	
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	10.052.000.000	8.234.090.202	81,91%	
- Cấp bù học phí	8.826.156.000	6.461.156.000	73,20%	
1.4. CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	39.402.416.787	16.802.185.175	42,64%	
Loại 070-098: DA7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã 0470 - 0477)	2.986.416.787	2.070.687.514	69,34%	
1.4.1. Kinh phí chi không thường xuyên:	2.986.416.787	2.070.687.514	69,34%	
Tiểu dự án 1 Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.	1.600.000.000	1.095.094.600	68,44%	
Tiểu dự án 2 Giám sát, đánh giá: Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất	1.386.416.787	975.592.914		
Loại 070 - 098 DA 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã 0470 - 0474)	36.416.000.000	14.731.497.661	40,45%	
1.4.2. Kinh phí chi không thường xuyên:	36.416.000.000	14.731.497.661		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	36.416.000.000	14.731.497.661	40,45%	
Sửa chữa, bảo dưỡng Trường trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	7.000.000.000	5.412.978.000	77,33%	
Mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo	15.816.000.000	5.678.431.990	35,90%	
Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	13.600.000.000	3.640.087.671	26,77%	
1.5. CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	3.500.000.000	1.991.307.000	56,89%	
Loại 070-098 (Mã CTMTQG: 10490 - 10493)	1.834.000.000	968.237.000	52,79%	
1.5.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	1.834.000.000	968.237.000	52,79%	
Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	1.834.000.000	968.237.000	52,79%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Nội dung 09. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn:	1.000.000.000	314.563.000	31,46%	
<i>Tiểu dự án "Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn"</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>314.563.000</i>	<i>31,46%</i>	
- Nội dung 2: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp đặc biệt cán bộ cơ sở	334.000.000	158.670.000	47,51%	
- Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó ưu tiên hỗ trợ các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp	500.000.000	495.004.000	99,00%	
- <i>Nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, quản trị cho cán bộ HTX; hỗ trợ HTX phát triển sản xuất; kết nối HTX với doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị</i>	<i>500.000.000</i>	<i>495.004.000</i>	<i>99,00%</i>	
Loại 070-098 (Mã CTMTQG: 10490 - 10502)	1.666.000.000	1.023.070.000	61,41%	
<i>1.5.2. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:</i>	<i>1.666.000.000</i>	<i>1.023.070.000</i>	<i>61,41%</i>	
Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	1.666.000.000	1.023.070.000	61,41%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	666.000.000	523.070.000	78,54%	
<i>Tổ chức triển khai hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở</i>	<i>666.000.000</i>	<i>523.070.000</i>	<i>78,54%</i>	
- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM	1.000.000.000	500.000.000	50,00%	
<i>Tổ chức triển khai đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>50,00%</i>	
2. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	53.442.500.000	44.126.602.996	82,57%	
Loại 340 - 362	52.842.500.000	43.537.049.753	82,39%	
2.1. Kinh phí không thực hiện tự chủ:	52.842.500.000	43.537.049.753	82,39%	
2.1.1. Lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp	17.898.500.000	16.334.980.045	91,26%	
2.1.2. Chi cải cách tiền lương	602.000.000	-		
2.1.3. Chi khen thưởng	1.160.000.000	-		
2.1.4. Chi theo định mức phân bổ 99 định biên x 70 triệu/định biên	6.930.000.000	6.674.979.577	96,32%	
2.1.5. Chi chế độ 178	16.907.000.000	16.901.673.706	99,97%	
2.1.6. Các nhiệm vụ đặc thù:	9.345.000.000	3.625.416.425	38,80%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Kinh phí tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế HTX	500.000.000	193.433.000	38,69%	
Khen thưởng tập thể, cá nhân HTX kiểu mới	500.000.000	451.392.000	90,28%	
Kinh phí hội nghị: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, hội thảo chuyên đề	1.000.000.000	898.022.041	89,80%	
Chi tập huấn chỉ đạo phong trào: Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về kinh tế tập thể, HTX; Luật HTX sửa đổi; Nâng cao nhận thức về phát triển KTTT, HTX; nâng cao vai trò và lợi ích của HTX trong phát triển KTXH; hội nghị tập huấn cho cán bộ Liên minh HTX Việt Nam và cán bộ HTX theo chuyên đề;.....	1.545.000.000	1.226.399.744	79,38%	
Kinh phí đại hội Liên minh HTX Việt Nam khóa VII	2.800.000.000	-	0,00%	
Kinh phí sửa chữa	3.000.000.000	856.169.640	28,54%	
Loại 340 - 368	600.000.000	589.553.243	98,26%	
2.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ:	600.000.000	589.553.243	98,26%	
Đóng niên liêm cho các tổ chức quốc tế	600.000.000	589.553.243	98,26%	
3, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 100	7.878.000.000	6.578.900.023	83,51%	
Loại 100 - 103: Khoa học công nghệ khác	2.418.000.000	2.186.280.400	90,42%	-
3.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	2.418.000.000	2.186.280.400	90,42%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	1.668.000.000	1.668.000.000	100,00%	
- Tập huấn nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cho các hợp tác xã tại Việt Nam	-	-		
<i>Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong khu vực HTX</i>	500.000.000	499.280.400	99,86%	
- Kinh phí Quản lý khoa học	250.000.000	19.000.000	7,60%	
Loại 100 - 102: Khoa học xã hội và nhân văn	3.360.000.000	2.546.269.414	75,78%	-
3.2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:	3.360.000.000	2.546.269.414	75,78%	-
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thành lập, tổ chức hoạt động mô hình HTX ngành hàng lâm nghiệp quy mô lớn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội	300.000.000	287.163.636	95,72%	
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2045	400.000.000	203.750.000	50,94%	
Đề tài: Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm phát triển bền vững	380.000.000	380.000.000	100,00%	
Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp hỗ trợ các HTX nông nghiệp tập trung đất sản xuất lúa vùng Đồng bằng sông Hồng, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất	380.000.000	380.000.000	100,00%	



Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt ở các hợp tác xã nông nghiệp khu vực miền núi phía Bắc	400.000.000	370.476.640	92,62%	
Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động cung ứng và tiêu thụ tập trung trong các hợp tác xã nông nghiệp	400.000.000	369.918.320	92,48%	
Đề tài: Nghiên cứu đánh giá rủi ro hoạt động và đề xuất áp dụng hệ thống rủi ro phù hợp cho các hợp tác xã	300.000.000	147.178.182	49,06%	
Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn phát triển hợp tác xã	400.000.000	213.103.636	53,28%	
Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích thành viên của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam	400.000.000	194.679.000	48,67%	
Loại 100 - 101: Khoa học tự nhiên và kỹ thuật	1.600.000.000	1.346.350.209	84,15%	
3.3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:	1.600.000.000	1.346.350.209	84,15%	
- Đề tài: Nghiên cứu đánh giá hiệu quả ứng dụng hoạt tính prebiotic và probiotic từ nấm men <i>Saccharomyces boulardii</i> trong việc góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững cho các HTX chăn nuôi gia súc	300.000.000	289.490.909	96,50%	
Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật đối với cây sa nhân đỏ (<i>Amomum villosum</i> Lour.) để phát triển nguồn giống cho các HTX dược liệu	600.000.000	580.499.300	96,75%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống tưới ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thích nghi với điều kiện canh tác, phục vụ sản xuất rau hữu cơ tại vùng đồng bằng sông Hồng	700.000.000	153.600.000	21,94%	
Loại 100 - 105: Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	500.000.000	500.000.000	100,00%	
Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đột phá đổi mới tư duy, quyết tâm phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, thực hiện CDS trong khu vực HTX. Tuyên truyền "học tập số", phổ cập nâng cao kiến thức khoa học công nghệ thúc đẩy các phong trào khởi nghiệp sáng tạo nâng cao năng suất, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ	500.000.000	500.000.000	100,00%	
4. SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	2.000.000.000	1.841.515.535	92,08%	
Loại 250 - 278	2.000.000.000	1.841.515.535	92,08%	
4.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	2.000.000.000	1.841.515.535	92,08%	
- Nhiệm vụ: <i>Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với các HTX nông nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho các HTX</i>	1.700.000.000	1.541.515.535	90,68%	
- Nhiệm vụ: <i>Tập huấn, tuyên truyền về môi trường và bảo vệ môi trường cho cán bộ, thành viên HTX</i>	300.000.000	300.000.000	100,00%	
5. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 280	70.206.648.602	59.941.049.897	85,38%	
5.1. Loại 280 - 332: Điều tra, khảo sát	400.000.000	254.170.760	63,54%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	400.000.000	254.170.760	63,54%	
<i>Điều tra sự hài lòng cấp tỉnh của HTX bằng công nghệ số</i>	400.000.000	254.170.760	63,54%	
5.2. Loại 280 - 338: Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	7.560.000.000	6.532.896.004	86,41%	
5.2.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	7.560.000.000	6.532.896.004	86,41%	
- Thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam	4.634.000.000	4.566.632.004	98,55%	
- Kinh phí tuyên truyền phát triển kinh tế hợp tác, HTX	2.926.000.000	1.966.264.000	67,20%	
5.3. CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	6.865.000.000	5.599.363.473	81,56%	
Loại 280 - 338 Mã CTMTQG: 0490 - 0493	6.865.000.000	5.599.363.473	81,56%	
5.3.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	6.865.000.000	5.599.363.473	81,56%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững (Mã 0490 - 0493)	6.865.000.000	5.599.363.473	81,56%	
- Nội dung 04. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.	910.000.000	454.642.635	49,96%	
- Nội dung 05. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp	2.500.000.000		0,00%	
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên HTX nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị cho cán bộ HTX; hỗ trợ HTX phát triển sản xuất; kết nối HTX với doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	2.500.000.000	1.819.980.000	72,80%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Nội dung 6: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường	2.250.000.000	2.142.640.838	95,23%	
5.4. CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS&MN	11.001.648.602	8.492.102.141	77,19%	
Loại 280 - 338 (Mã 0510 - 0521) 'Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.715.648.602	610.057.025	35,56%	
5.4.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	1.715.648.602	610.057.025	35,56%	
Loại 280 - 338 (Mã 0510-0513)	500.000.000	497.800.000	99,56%	



Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị - Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phù hợp với vùng, miền nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	500.000.000	497.800.000	99,56%	
Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-		
- Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	1.715.648.602	610.057.025	35,56%	
Tổ chức các hội nghị tập huấn, quán triệt tuyên truyền, phổ biến “Phát triển kinh tế tập thể, HTX vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021-2025”	1.200.000.000	533.558.070	44,46%	
Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo sự phân công của Ban Chỉ đạo chương trình và của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam	515.648.602	76.498.955	14,84%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Loại 280 - 338 (Mã 0510 - 0513) 'Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	8.786.000.000	7.384.245.116	84,05%	-
5.4.2. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	8.786.000.000	7.384.245.116	84,05%	-
-Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.786.000.000	7.384.245.116	84,05%	-
<i>Thực hiện Dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế: Xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phù hợp với vùng, miền nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	8.786.000.000	7.384.245.116	84,05%	
5.5. CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	44.380.000.000	39.762.297.357	89,60%	
Loại 280 - 338 (Mã 0470 - 0473) 'Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	11.500.000.000	8.819.238.352	76,69%	
5.5.1. Kinh phí chi không thường xuyên	11.500.000.000	8.819.238.352	76,69%	
<i>Tiểu DA1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhiệm vụ: Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả</i>	7.500.000.000	4.875.644.080	65,01%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<i>Tiểu DAI: Xây dựng mô hình</i>	4.000.000.000	3.943.594.272	98,59%	
Loại 280 - 338 (Mã 0470 - 0472) 'Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	32.280.000.000	30.353.324.785	94,03%	
5.5.2. Kinh phí chi không thường xuyên	32.280.000.000	30.353.324.785	94,03%	
<i>Nhiệm vụ xây dựng mô hình giảm nghèo</i>	32.280.000.000	30.353.324.785	94,03%	
Loại 280 - 338 (Mã 0470 - 0477) 'Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình"	600.000.000	589.734.220	98,29%	
5.5.3. Kinh phí chi không thường xuyên	600.000.000	589.734.220	98,29%	
<i>Tiểu DAI: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i> <i>Nhiệm vụ: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo</i>	1.100.000.000	589.734.220	53,61%	
6. SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	32.604.988.600	25.757.478.612	79,00%	
6.1. CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	7.172.988.600	6.144.252.243	85,66%	
6.1.1. Loại 160 - 171 (Mã CTMTQG: 0490 - 0502)	3.672.988.600	2.367.924.065	64,47%	
6.1.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	3.672.988.600	2.367.924.065	64,47%	
Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (Mã 0490 - 0502)	2.672.988.600	1.367.924.065	51,18%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Nội dung 01. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	2.672.988.600	1.367.924.065	51,18%	
<i>Tổ chức kiểm tra giám sát các nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Liên minh HTX Việt Nam trên địa bàn toàn quốc.</i>	2.672.988.600	1.367.924.065	51,18%	
- Nội dung 4: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00%	
<i>Nhiệm vụ: Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; tuyên truyền về liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm; tuyên truyền về mô hình HTX hình thành từ các THT</i>	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00%	
6.1.2. Loại 160-171 (Mã CTMTQG: 0490-0498)	3.500.000.000	3.269.108.178		
6.1.2.1 Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	875.000.000	836.277.050		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Nội dung thành phần số 8: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận phát luật cho người dân, tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	3.500.000.000	3.269.108.178	93,40%	
Nội dung 3: Triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026-2030	3.500.000.000	3.269.108.178	93,40%	
- Nhiệm vụ: Tổ chức hội nghị, hội thảo triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026-2030	1.750.000.000	1.551.777.242	88,67%	
6.2. CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI	20.282.000.000	15.141.126.369	74,65%	
6.2.1. Loại 160-171 (Mã CTMTQG: 0510-0521)	20.282.000.000	15.141.126.369	74,65%	
6.2.1.1 Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	20.282.000.000	15.141.126.369	74,65%	
Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	20.282.000.000	15.141.126.369	74,65%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN	20.282.000.000	15.141.126.369	74,65%	
- Nhiệm vụ: Tập huấn nâng cao năng lực TMĐT cho thành viên HTX và đại diện các hộ SXKD vùng DTTS&MN	15.400.000.000	11.700.254.076	75,98%	
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập trao đổi kinh nghiệm	500.000.000	466.480.500	93,30%	
- Duy trì và vận hành chợ sản phẩm trực tuyến	3.000.000.000	1.736.131.793	57,87%	
- Truyền thông, tuyên truyền, quảng bá	1.382.000.000	1.238.260.000	89,60%	
6.3. CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	5.150.000.000	4.979.320.000	96,69%	
6.3.1. Loại 160-171 (Mã CTMTQG: 0470-0476)	5.150.000.000	4.979.320.000	96,69%	
6.3.1.1 Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	5.150.000.000	4.979.320.000	96,69%	
Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	5.150.000.000	4.979.320.000	96,69%	
Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	3.000.000.000	2.829.320.000	94,31%	

SL

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Tiểu dự án 2: <i>Truyền thông và giảm nghèo đa chiều:</i> Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo	2.150.000.000	2.150.000.000	100,00%	